

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 83/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Quốc Vũ.

Ông Nguyễn Xuân Tung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2018/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX-HSST ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Lê Duy Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Phan Thị T; vợ; con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Ngày 10/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", thời hạn 24 tháng. Bị cáo Đ đã chấp hành xong quyết định ngày 14/8/2017; nhân thân: Ngày 25/8/2009, bị Công an huyện D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 150.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong quyết định; Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018, đến ngày 31/7/2018 chuyển tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. Đỗ Huy T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, TP. P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị P; vợ: Hoàng Thị Thanh L (Đã ly hôn năm 2017); con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Ngày 25/4/2016, bị Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam ra Quyết định xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi "Mua, cất giữ trái phép 0,014gam Heroin để sử dụng"; chưa chấp hành quyết định; Ngày 11/5/2016, bị Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam ra Quyết định xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi "Mua trái phép 0,060gam

Methamphetamine để sử dụng"; chưa chấp hành quyết định; Ngày 19/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", thời hạn 24 tháng. Bị cáo T chưa chấp hành xong quyết định; Nhân thân: Ngày 28/6/2013, bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 1074 về việc đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm chữa bệnh Giáo dục LĐXH tỉnh Hà Nam, thời hạn 24 tháng; chấp hành xong quyết định ngày 03/7/2015; Bị bắt tạm giữ ngày 28/7/2018, đến ngày 31/7/2018 chuyển tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

* **Người bào chữa** cho các bị cáo Lê Duy Đ và Đỗ Huy T: Bà Phạm Thị Nhàn- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam giới thiệu; có mặt.

* **Người bị hại:** Chị Lý Mùi C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967, địa chỉ: thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 6, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2018, Đỗ Huy T, sinh năm 1991 trú tại thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam điều khiển xe mô tô Sirius BKS 90B2 - 107.77 của mình đến nhà Lê Duy Đ, sinh năm 1992 trú tại thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam đón Đ đi chơi. T và Đ mang chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 của T đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1981 ở tổ 6, N, thị trấn Đ, huyện D cầm cố lấy 1.000.000đ rồi cùng đi lên khu vực C, huyện P, thành phố Hà Nội mua ma túy sử dụng. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 107.77 chở T đi loanh quanh trong đường Khu công nghiệp Đ, huyện D rồi rủ T "*Đi lòng vòng xem có cái gì không để lấy trộm*", T đồng ý và nói "*Tháo biển số ra không sợ người ta biết*". Đ mở cốp xe, lấy cờ lê đưa cho T, T tháo một bên ốc vít, còn Đ tháo một bên. Đ cắt biển số xe vào trong cốp, tiếp tục điều khiển xe chở T đi vào thôn L, xã B để trộm cắp tài sản. Phát hiện chị Lý Mùi C, sinh năm 1995 ở thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng đang đi bộ ngược chiều, vừa đi vừa sử dụng điện thoại Nokia 3 màu trắng, Đ nói với T "*Điện thoại, có điện thoại*", T hiểu ý của Đ và nói "*Ừ*". Đ điều khiển xe đi sang bên trái đường sát hướng đi của chị C để T ngồi sau giật điện thoại. Khi đi ngang chị C, T ngồi sau giật được chiếc điện thoại trên tay

chị C rồi T hô "Đi đi". Biết là T đã giật được điện thoại của chị C, Đ điều khiển xe chở T bỏ chạy lên đường đê H rồi vòng xuống đường Khu công nghiệp Đ. Trên đường bỏ chạy, T tháo ốp lưng điện thoại Nokia 3 vứt xuống vệ đường. Sau đó, Đ và T mang điện thoại vừa giật được của chị C đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 ở phố N, thị trấn Đ mở khóa màn hình. Anh L mở khóa màn hình, tháo 02 chiếc sim trong chiếc điện thoại đưa cho T, T đưa lại cho Đ. Sau đó, Đ và T mang chiếc điện thoại Nokia 3 đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1981 ở tổ 6, phố N, thị trấn Đ để mở khóa tài khoản Google. Trên đường đi, Đ đã vứt 02 chiếc sim xuống đường thuộc phố N. Sau đó, Đ chở T về nhà Đ ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 25/7/2018, Đ và T mang chiếc điện thoại Nokia 3 đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Anh Đ bán cho anh Đ được 1.000.000đ. Sau đó, T dùng số tiền này chuộc lại chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 đã cầm cố cho anh Đ ngày 24/7/2018.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu của anh Nguyễn Anh Đ: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng Nokia 3 màu trắng, bên trong không lắp sim, không có ốp lưng; Thu của Đỗ Huy T: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel, lắp ốp lưng bằng nhựa dẻo trong suốt; Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và đồ vật của Đỗ Huy T, Cơ quan CSĐT Công an huyện D thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius BKS 90B2 - 107.77, trong xe có 01 chiếc cờ lê và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B2 - 107.77.

Cơ quan điều tra đã truy tìm 02 chiếc sim điện thoại do các bị can vứt tại khu vực số nhà 292 phố N, thị trấn Đ đến cổng trường PTTH D nhưng không thấy.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 26/KL-HĐ ngày 31/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Nokia 3 màu trắng có giá 1.000.000đ; 01 ốp lưng Nokia 3 bằng nhựa dẻo có giá 10.000đ; 02 chiếc sim điện thoại Viettel có giá 40.000đ. Tổng cộng: 1.050.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Lê Duy Đ và Đỗ Huy T đã có đơn tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho chị Lý Mùi C và anh Nguyễn Anh Đ. Theo đó, bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ Đỗ Huy T cùng anh Lê Thành Đ là anh trai Lê Duy Đ bồi thường cho chị C số tiền 600.000đ; bà P bồi thường cho anh Nguyễn Anh Đ số tiền 1.000.000đ. Chị C, anh Đ đã nhận tiền bồi thường, đồng thời chị C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Duy Đ và Đỗ Huy T.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 31/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) xử phạt: Mỗi bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị HĐXX xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bà Phạm Thị Nhân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị cáo đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo với mức thấp nhất theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Duy Tiên, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, hồi 17h00' ngày 24/7/2018, tại khu vực đường thôn L, xã B, huyện D, phát hiện chị Lý Mùi C đang sử dụng điện thoại, Lê Duy Đ điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 107.77 đi ép sát chị C, Đỗ Huy T ngồi sau xe nhanh chóng giật của chị C 01 chiếc điện thoại Nokia 3 màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, bên trong lắp 02 sim có tổng giá trị 1.050.000đ rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Đến 07 giờ ngày 25/7/2018, Đ và T đem chiếc điện thoại của chị C đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Anh Đ bán được 1.000.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của người bị hại đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo có nhân thân xấu nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và đồng bọn, đều đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò các bị cáo: Lê Duy Đ là người khởi xướng việc thực hiện tội phạm và thực hiện tội phạm tích cực nên giữ vai trò đầu vụ, Đỗ Huy T giữ vai trò đồng phạm.

Từ nhận định trên xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cần phải xử lý nghiêm, vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp thực tế.

[5] Về hành vi của anh Nguyễn Văn L là người đã mở khóa màn hình điện thoại Nokia 3; anh Nguyễn Anh Đ là người mở khóa Google, sau đó đã mua chiếc điện thoại Nokia 3, song anh L và anh Đ không hứa hẹn trước, không biết chiếc điện thoại đó là do Đ và T phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện D không khởi tố đối với anh L, anh Đ để điều tra là đúng quy định của pháp luật

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lý Mùi C và anh Nguyễn Anh Đ đã nhận tiền bồi thường nay không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Đối với bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ bị cáo Đỗ Huy T cùng anh Lê Thành Đ là anh trai bị cáo Lê Duy Đ bồi thường cho chị C số tiền 600.000đ; bà P bồi thường cho anh Nguyễn Anh Đ số tiền 1.000.000đ, nay không ai có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung GalaxyJ7 là tài sản hợp pháp của bị cáo Đỗ Huy T không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha kiểu dáng Sirius gắn biển kiểm sát 90B2 - 107.77, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe có biển kiểm sát 90B2 - 107.77 do Phòng cảnh sát giao thông cấp ngày 22/12/2015 và 01 cờ lê tài sản thuộc quyền sở hữu của Đỗ Huy T đã dùng làm công cụ cho việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí hình sự: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Duy Đ, Đỗ Huy T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt:

- Lê Duy Đ 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2018.

- Đỗ Huy T 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại bị cáo Đỗ Huy T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung GalaxyJ7;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha kiểu dáng Sirius gắn biển kiểm sát 90B2 - 107.77, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe có biển kiểm sát 90B2 - 107.77 do Phòng cảnh sát giao thông cấp ngày 22/12/2015 và 01 cờ lê.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện D và Thi hành án dân sự huyện D ngày 02/11/2018).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, các bị cáo Lê Duy Đ, Đỗ Huy T mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;*
- *Công an huyện D;*
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục THADS huyện D;*
- *Bị cáo; đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Đông

